

Bản án số: 23/2020/HS-ST

Ngày: 24- 9- 2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thông- Cán bộ nghỉ hưu.

Bà Nguyễn Kim Liên- Giáo viên nghỉ hưu.

- T3 ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – T3 ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi T2 Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Phạm Văn N1 (Tên gọi khác: T1); Sinh ngày: 07/7/2002, tại huyện Hải Hà, Quảng Ninh; (**Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi, 11 tháng 22 ngày**); Nơi cư trú: thôn X, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T2 (Đã chết) và bà Ngô Thị T3; Vợ, con: chưa có; Nhân thân: Ngày 31/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hà xử phạt 06 tháng tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*”; Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 03/8/2017 đưa đi trường giáo dưỡng tỉnh Ninh Bình theo quyết định số 02 ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hà về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 03/8/2019 trở về địa phương); Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/6/2020, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: chị Ngô Thị T3, sinh năm 1981 (mẹ bị cáo). Địa chỉ: Thôn X, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn N1 là bà Nguyễn Thị Hòa - Luật sư trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- **Bị hại:** Chị Bùi Thị H1, sinh ngày 23/9/1985. Địa chỉ: Thôn Y, xã Q2, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 29/6/2020, Phạm Văn N1 đi bộ đến dãy nhà trọ ở Thôn Y, xã Q2, huyện Hải Hà thấy vắng người nên nảy sinh ý định đột nhập vào lấy trộm tài sản. N1 đi vòng qua phía sau dãy nhà trọ thì phát hiện gian nhà của chị Bùi Thị H1, sinh năm 1985 có cửa sổ bằng gỗ, không đóng, nên đi sang gian bếp bên cạnh lấy 01 con dao phay dài khoảng 30cm chọt gãy 01 song cửa sổ. N1 trèo vào bên trong nhà chị H1 lấy 02 chiếc điện thoại di động, gồm chiếc nhãn hiệu OPPO NEO7 và OPPO F9 rồi tẩu thoát ra cửa sau. Sau đó, do N1 không mở được mặt khóa 02 chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được để bán nên đến Công an huyện Hải Hà tự thú khai nhận hành vi phạm tội, giao nộp vật chứng.

Vật chứng thu giữ gồm: 02 chiếc điện thoại di động, gồm chiếc nhãn hiệu OPPO NEO7 màu đen và OPPO F9 màu tím; 01 dao kim loại, dạng dao phay bản vuông kích T3ớc (18,8 x 9,5)cm, cán bằng gỗ dài 13,2 cm; 02 đoạn gỗ gãy ra từ thanh song cửa sổ kích T3ớc lần lượt là (2,4 x 48,2)cm và (2,4 x 13,8)cm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 470 ngày 02/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Hải Hà kết luận: chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO NEO7 và chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 của chị Bùi Thị H1 có tổng giá trị là 2.200.000 đồng (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*) Bút lục số 20.

Quá trình điều tra, và tại phiên tòa bị can Phạm Văn N1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên (Bút lục số 60, 62, 64). Nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại là chị Bùi Thị H1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa thể hiện quan điểm: ngày 07/7/2020 cơ quan điều tra trả lại chị 02 chiếc điện thoại mà Phạm Văn N1 đã chiếm đoạt nên chị không yêu cầu bị cáo bồi T3ờng gì về mặt dân sự. Về hình sự: Chị đề nghị xử lý N1 theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn N1 là bà Ngô Thị T3 trình bày đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKSHH ngày 25/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà truy tố bị cáo Phạm Văn N1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn N1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù tính từ ngày 29/6/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 dao kim loại, 02 đoạn gỗ gãy ra từ thanh song cửa sổ kích T3 có kích thước là (2,4 x 48,2)cm và (2,4 x 13,8)cm.

Người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Nguyễn Thị Hòa nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, về phân hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung đã khai nhận tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với vật chứng đã được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo xác nhận: những lời khai tại cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng sự thật, không bị ép cung, mớm cung hoặc nhục hình; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ để kết luận bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Khoảng 16 giờ ngày 29/6/2020 tại phòng trọ của chị Bùi Thị H1 ở Thôn Y, xã Q2, huyện Hải Hà, Phạm Văn N1 có hành vi trộm cắp 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu oppo NEO7 và oppo F9 trị giá 2.200.000đ (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” thuộc trường hợp “*1. trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý; mặc dù ít nguy hiểm cho xã hội, nhưng đã xâm

phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người còn trẻ nhưng không chịu lao động chân chính mà đi trộm cắp tài sản của người khác để phục vụ nhu cầu cá nhân. Ngày 31/10/2019, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hà xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng không lấy đó là bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân. Vì vậy phải cần có mức án phù hợp đối với bị cáo đủ để có tác dụng răn đe, giáo dục nói riêng và phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm nói chung.

[4] Xét nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự. Tình tiết tăng nặng: không có. Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã ra tự thú giao nộp lại tài sản đã trộm cắp, giá trị tài sản thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội. Do đó, xét thấy cần áp dụng khoản 6 Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên cũng cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để tăng khả năng giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Khi ra tự thú bị cáo đã giao nộp toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho người bị hại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt. Người bị hại không có yêu cầu bồi Tởng gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 dao kim loại, dạng dao phay bản vuông kích T3ớc (18,8 x 9,5)cm, cán bằng gỗ dài 13,2 cm; 02 đoạn gỗ gãy ra từ thanh song cửa sổ kích T3ớc lần lượt là (2,4 x 48,2)cm và (2,4 x 13,8)cm.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn N1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa của bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N1 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 29/6/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 dao kim loại, 02 đoạn gỗ gãy ra từ thanh song cửa sổ.

*(Vật chứng nêu trên tình trạng như tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số **25/CCTHADS ngày 27 tháng 8 năm 2020** giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hà và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hà).*

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T3ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Văn N1 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa của bị cáo, **có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi T3ờng trú.**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Hải Hà;
- Công an huyện Hải Hà;
- CCTHADS huyện Hải Hà;
- Bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị cáo; Người bào chữa của bị cáo;
- Bị hại
- THA, Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hương Lan

